

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 536/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2018

V/v ly hôn giữa chị H và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Loan

Ông Vũ Thành Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-10-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10-10-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 57 Cầu Đông, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Sỹ D, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 57 Cầu Đông, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 10-8-2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Sỹ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N ngày 13-3-2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh D nghiện ma túy, không tu chí làm ăn nên ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, anh D đã hai lần phải đi chấp hành án. Chị và gia đình đã cai nghiện cho anh D rất nhiều lần nhưng anh D không từ bỏ được ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân năm 2014 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Trần Thị Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-12-2000 và Trần Thị Ngọc M (giới tính: Nữ), sinh ngày 28-6-2008. Hiện tại cháu Ngọc A đang sinh sống cùng chị, còn cháu Ngọc M đang sinh sống cùng anh D và bà nội. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngọc A, còn anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngọc M vì anh chị đã tự thỏa thuận như vậy trước khi ly thân. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Trần Sỹ D theo quy định của pháp luật nhưng anh D không đến Tòa án làm việc.

Tại bản tự khai ngày 25-9-2018, người làm chứng là bà Trần Thị Vui (mẹ đẻ anh D) trình bày: Anh Trần Sỹ D và chị Trần Thị H kết hôn năm 2000. Trong quá trình chung sống anh D và chị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D nghiện ma túy, anh D phá tán kinh tế gia đình và đã phải đi chấp hành án hai lần. Vợ chồng anh D và chị H đã sống ly thân mấy năm nay, chị H đã đưa con lớn ra ở riêng, anh D và cháu Ngọc M ở với bà. Nay quan điểm của bà, chị H đã chịu đựng anh D nhiều năm nay đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh D ly hôn. Về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giữ nguyên như hiện nay, chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ngọc A, anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ngọc M, bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh D trong việc chăm sóc và nuôi cháu Ngọc M.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 23-8-2018 xác nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Vợ chồng anh chị có hai con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh năm 2000 và Trần Thị Ngọc M, sinh năm 2008.

Tại đơn đề nghị ngày 11-9-2018 của cháu Trần Thị Ngọc A có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu Trần Thị Ngọc M có nguyện vọng được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D nghiện ma túy và đã phải đi chấp hành án. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Sỹ D. Về con chung: Anh chị có hai con chung, xét nguyện vọng của chị H muốn được nuôi cháu Ngọc A và cháu Ngọc A cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ, cháu Ngọc M có nguyện vọng được ở cùng bố và bà Vui mẹ đẻ anh D cam đoan có trách nhiệm cùng anh D nuôi cháu M. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao con Trần Thị Ngọc A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần Thị Ngọc M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tài sản chung và vay nợ chung chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Sỹ D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Sỹ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N năm 2000 nên hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn chị H và anh D chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D nghiện ma túy và hai lần phải đi chấp hành án, gia đình cũng đã nhiều lần cai nghiện cho anh D nhưng anh D không từ bỏ được ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng ly hôn anh D. Tòa án thông báo hợp lệ hai lần phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh D vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh D không có thiện chí hoà giải đoàn tụ

vợ chồng, bà Trần Thị Vui là mẹ đẻ anh D cũng xác nhận anh chị mâu thuẫn là do anh D nghiện ma túy và vợ chồng anh chị đã sống ly thân mấy năm nay, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị H và anh D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con: Xét nguyện vọng của chị H muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 24-12-2000, hiện nay cháu Ngọc A đang ở cùng chị H và có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Còn cháu Ngọc M đang sinh sống cùng anh D và bà nội, mặc dù anh D không có lời khai cũng như quan điểm về con chung nhưng cháu Ngọc M có nguyện vọng được sinh sống cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn đồng thời bà Vui (mẹ anh D) cũng có quan điểm anh D và chị M đã thống nhất về việc nuôi con khi sống ly thân, bà cam đoan có trách nhiệm cùng anh D nuôi cháu Ngọc M. Vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ giao con Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 24-12-2000 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con Trần Thị Ngọc M (giới tính: Nữ), sinh ngày 28-6-2008 cho anh Trần Sỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, anh D không có quan điểm gì. Ngoài ra, mỗi người nuôi một con nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Sỹ D.

2. Về con chung: Giao con Trần Thị Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-12-2000 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con Trần Thị

Ngọc M (giới tính: Nữ), sinh ngày 28-6-2008 cho anh Trần Sỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị H đã nộp tại biên lai số 0000221 ngày 20-8-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Chị Trần Thị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Sỹ D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường L;
- VKSND thành phố Nam Định;
- THA Dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Tổng Thị Kim Phụng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Hạ Long;
- VKSND thành phố Nam Định;
- THA Dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng